

Số: 119/2024/QĐST- HNGĐ

Hiệp Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Loan.

Bà Hoàng Thị Kim Oanh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thu T, sinh năm 1996 Nơi thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trương Văn T1, sinh năm 1992
Nơi thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thu T và anh Trương Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao chị Hoàng Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là Trương Thùy L, sinh ngày 18/5/2013, Trương Quỳnh A, sinh ngày 25/10/2017 và Trương Minh P, sinh ngày 26/12/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trương Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàng Thu T cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh **Trương Văn T1** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **Trương Văn T1** thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 – Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng canh tác:** Chị **Hoàng Thu T** và anh **Trương Văn T1**, xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị **Hoàng Thu T** chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị **Hoàng Thu T** đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003911 ngày 06/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa (số 88/2016 ngày 09/11/2016);
- Lưu hồ sơ;
- Công thông tin điện tử Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn